

## **Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 39



# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty"), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") với mã giao dịch là STG theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt.

Công ty có trụ sở chính tại Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Tuấn Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó chủ tịch	
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	
Ông Lee Kian Hurt	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022

### ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Lê Hùng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Ủy viên	
Ông Đặng Doãn Kiên	Ủy viên	miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022

# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **TỔNG GIÁM ĐỐC**

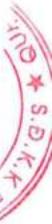
Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Đặng Vũ Thành.

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Đặng Vũ Thành.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 18 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



  
Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61113814-22988918/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 18 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



\_\_\_\_\_  
Maria Cristina M. Calimbas  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1073-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>129.211.474.851</b>	<b>106.311.371.445</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>16.812.951.331</b>	<b>25.153.062.912</b>
111	1. Tiền		16.812.951.331	11.153.062.912
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	14.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>583.435.200</b>	<b>611.115.700</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		683.872.558	683.872.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(100.437.358)	(72.756.858)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>106.932.840.800</b>	<b>75.769.521.946</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		61.967.180.960	40.971.378.321
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		9.307.820.693	8.945.129.820
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		41.466.047.101	33.466.047.101
136	4. Các khoản phải thu khác		3.914.616.200	2.179.790.858
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.722.824.154)	(9.792.824.154)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>4.001.332.152</b>	<b>2.777.953.717</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.001.332.152	2.777.953.717
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>880.915.368</b>	<b>1.999.717.170</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	243.514.039	147.836.258
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	66.137	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	637.335.192	1.851.880.912

369  
Y  
N  
N  
M  
HI MI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.606.448.616.944</b>	<b>1.617.936.664.671</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>115.322.684.427</b>	<b>121.290.842.181</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	104.426.271.614	110.357.094.368
222	Nguyên giá		237.871.248.131	237.871.248.131
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(133.444.976.517)	(127.514.153.763)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	10.896.412.813	10.933.747.813
228	Nguyên giá		12.594.032.813	12.594.032.813
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.697.620.000)	(1.660.285.000)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>2.103.646.650</b>	<b>797.851.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.103.646.650	797.851.000
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>1.463.142.459.149</b>	<b>1.463.148.059.867</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.443.255.833.863	1.443.255.833.863
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.000.000.000	20.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(113.374.714)	(107.773.996)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>25.879.826.718</b>	<b>32.699.911.623</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	25.812.021.902	32.632.106.807
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	67.804.816	67.804.816
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.735.660.091.795</b>	<b>1.724.248.036.116</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>159.647.487.155</b>	<b>148.746.885.163</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>132.389.557.075</b>	<b>121.488.955.083</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.306.998.027	2.409.038.400
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	9.774.005.349	757.640.238
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.595.833.165	896.000.380
314	4. Phải trả người lao động		724.166.289	2.626.528.483
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.652.461.325	3.168.106.971
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18.1	88.941.527.126	90.160.868.524
320	7. Vay ngắn hạn	17	17.000.000.000	17.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	9.394.565.794	4.470.772.087
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>27.257.930.080</b>	<b>27.257.930.080</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18.2	27.000.000.000	27.000.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	257.930.080	257.930.080
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.576.012.604.640</b>	<b>1.575.501.150.953</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>1.576.012.604.640</b>	<b>1.575.501.150.953</b>
411	1. Vốn cổ phần		982.533.570.000	982.533.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		982.533.570.000	982.533.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		595.512.069.540	595.000.615.853
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		587.601.216.960	575.440.457.850
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		7.910.852.580	19.560.158.003
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.735.660.091.795</b>	<b>1.724.248.036.116</b>

  
Hoàng Thị Anh Thư  
Người lập

  
Nguyễn Hoàng Giang  
Kế toán trưởng

  
Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc



Ngày 18 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	163.626.293.159	113.300.541.862
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(139.590.441.284)	(86.430.537.671)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.035.851.875	26.870.004.191
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	1.014.204.634	630.105.305
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(1.887.346.973) (1.854.065.755)	(1.780.130.427) (1.777.623.972)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(989.585.436)	(1.126.400.622)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(11.713.913.709)	(9.910.404.927)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.459.210.391	14.683.173.520
31	9. Thu nhập khác		495.901	182.101.636
32	10. Chi phí khác		(71.710.399)	(2.465.953)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác		(71.214.498)	179.635.683
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.387.995.893	14.862.809.203
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(2.477.143.313)	-
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	-	(3.035.812.751)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		7.910.852.580	11.826.996.452

  
Hoàng Thị Anh Thư  
Người lập

  
Nguyễn Hoàng Giang  
Kế toán trưởng



Ngày 18 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>10.387.995.893</b>	<b>14.862.809.203</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	5.968.157.754	6.009.724.354
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(36.718.782)	(312.541.807)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.014.204.634)	(630.105.305)
06	Chi phí lãi vay	24	1.854.065.755	1.777.623.972
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>17.159.295.986</b>	<b>21.707.510.417</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(21.094.836.834)	(11.232.377.412)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.223.378.435)	(984.643.797)
11	Tăng các khoản phải trả		190.404.945	16.121.946.742
12	Tăng (giảm) chi phí trả trước		6.724.407.124	(5.611.608.064)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	19	(9.138.889)	(838.681.746)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.746.753.897</b>	<b>19.162.146.140</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.317.067.675)	(4.811.469.502)
23	Tiền chi cho công ty con vay		(13.000.000.000)	(59.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		5.000.000.000	23.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn bổ sung vào công ty con		-	(6.370.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức		230.202.197	10.965.665.579
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(10.086.865.478)</b>	<b>(36.215.803.923)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
33	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Tiền thu từ đi vay		-	17.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	17.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(8.340.111.581)	(53.657.783)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		25.153.062.912	10.608.350.723
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	16.812.951.331	10.554.692.940

Hoàng Thị Anh Thư  
Người lập

Nguyễn Hoàng Giang  
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty"), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua bằng việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 47 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 44).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 11.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 18 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho chủ yếu bao gồm hàng hóa với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 37 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính riêng sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	74.417.800	54.368.500
Tiền gửi ngân hàng	16.738.533.531	11.098.694.412
Các khoản tương đương tiền	-	14.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.812.951.331</b>	<b>25.153.062.912</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	27.435.200	(100.437.358)	127.872.558	55.115.700	(72.756.858)
<i>Trong đó:</i>						
<i>Công ty Cổ phần Simco Sông Đà</i>	126.752.447	26.495.800	(100.256.647)	126.752.447	54.152.000	(72.600.447)
<i>Chứng khoán khác</i>	1.120.111	939.400	(180.711)	1.120.111	963.700	(156.411)
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	1.176.000.000	-	556.000.000	1.320.000.000	-
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</i>	556.000.000	1.176.000.000	-	556.000.000	1.320.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>683.872.558</b>	<b>1.203.435.200</b>	<b>(100.437.358)</b>	<b>683.872.558</b>	<b>1.375.115.700</b>	<b>(72.756.858)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</b>	<b>61.967.180.960</b>	<b>40.971.378.321</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>51.049.868.600</i>	<i>30.177.099.096</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Long Thành Phát</i>	<i>1.006.753.150</i>	<i>752.081.720</i>
<i>Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển NTK</i>	<i>822.350.940</i>	<i>758.790.610</i>
<i>Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Việt Quốc Tế</i>	<i>706.914.380</i>	<i>879.806.500</i>
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	<i>8.381.293.890</i>	<i>8.403.600.395</i>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>9.307.820.693</b>	<b>8.945.129.820</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh</i>	<i>8.773.817.614</i>	<i>8.773.817.614</i>
<i>Các khoản trả trước khác</i>	<i>534.003.079</i>	<i>171.312.206</i>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>41.466.047.101</b>	<b>33.466.047.101</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistic (Thuyết minh số 28) (*)</i>	<i>33.466.047.101</i>	<i>33.466.047.101</i>
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (Thuyết minh số 28) (*)</i>	<i>8.000.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>3.914.616.200</b>	<b>2.179.790.858</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phí vận chuyển trả hộ</i>	<i>3.127.705.944</i>	<i>1.392.880.602</i>
<i>Ký quỹ</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>686.910.256</i>	<i>686.910.256</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>90.000.000</i>	<i>90.000.000</i>
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(9.722.824.154)</b>	<b>(9.792.824.154)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>106.932.840.800</b>	<b>75.769.521.946</b>

(\*) Đây là khoản cho vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất 4,2%/năm và kỳ hạn trả đến ngày 11 tháng 9 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN** (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Số đầu kỳ	(9.792.824.154)	(10.130.680.771)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>70.000.000</u>	<u>310.610.517</u>
Số cuối kỳ	<u>(9.722.824.154)</u>	<u>(9.820.070.254)</u>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
		VND
Hàng đang đi đường	2.419.090.909	1.862.163.637
Hàng hóa	<u>1.582.241.243</u>	<u>915.790.080</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.001.332.152</u></b>	<b><u>2.777.953.717</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	187.698.035.733	5.022.432.200	43.715.384.194	1.435.396.004	237.871.248.131
<i>Trong đó:</i> <i>Đã khấu hao hết</i>	22.970.902.823	5.022.432.200	32.950.560.523	444.248.350	61.388.143.896
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(80.552.270.341)	(5.022.432.200)	(40.844.764.424)	(1.094.686.798)	(127.514.153.763)
Khấu hao trong kỳ	(5.308.264.703)	-	(538.241.315)	(84.316.736)	(5.930.822.754)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	(85.860.535.044)	(5.022.432.200)	(41.383.005.739)	(1.179.003.534)	(133.444.976.517)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	107.145.765.392	-	2.870.619.770	340.709.206	110.357.094.368
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	101.837.500.689	-	2.332.378.455	256.392.470	104.426.271.614



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2022	10.827.965.313	1.766.067.500	12.594.032.813
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	-	1.392.717.500	1.392.717.500
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	(1.660.285.000)	(1.660.285.000)
Hao mòn trong kỳ	-	(37.335.000)	(37.335.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	(1.697.620.000)	(1.697.620.000)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	10.827.965.313	105.782.500	10.933.747.813
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	10.827.965.313	68.447.500	10.896.412.813

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phát triển phần mềm	2.103.646.650	797.851.000

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 11.1)	1.443.255.833.863	-	1.443.255.833.863	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 11.2)	20.000.000.000	(113.374.714)	20.000.000.000	(107.773.996)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.463.255.833.863</b>	<b>(113.374.714)</b>	<b>1.463.255.833.863</b>	<b>(107.773.996)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**11.1 Đầu tư vào các công ty con**

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2022				Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
		Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị còn lại (VND)	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị còn lại (VND)	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Vận tải	901.000.000.000	-	901.000.000.000	100,00	901.000.000.000	-	901.000.000.000	100,00
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex	Vận tải	319.816.771.989	-	319.816.771.989	93,17	319.816.771.989	-	319.816.771.989	93,17
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (*)	Vận tải	108.162.000.000	-	108.162.000.000	8,94	108.162.000.000	-	108.162.000.000	8,94
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Vận tải	91.337.061.874	-	91.337.061.874	100,00	91.337.061.874	-	91.337.061.874	100,00
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Dịch vụ cảng	22.940.000.000	-	22.940.000.000	100,00	22.940.000.000	-	22.940.000.000	100,00
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.443.255.833.863</b>	<b>-</b>	<b>1.443.255.833.863</b>		<b>1.443.255.833.863</b>	<b>-</b>	<b>1.443.255.833.863</b>	

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam là công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans, công ty con của Công ty. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam là 93,34% (vào ngày 31 tháng 12 năm 2021: 93,34%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**11.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty liên doanh, liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			%	VND	%	VND
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (i)	Bất động sản	Trước hoạt động	50	10.000.000.000	50	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (ii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50	10.000.000.000	50	10.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>20.000.000.000</b>		<b>20.000.000.000</b>

- (i) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.
- (ii) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (“The Pier”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí phần mềm	150.066.667	15.765.555
Phí bảo hiểm	39.649.870	54.988.203
Khác	53.797.502	77.082.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>243.514.039</b>	<b>147.836.258</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà kho	22.606.323.026	28.827.069.343
Chi phí thuê kho	2.970.716.500	3.631.716.000
Công cụ dụng cụ	163.674.742	120.335.998
Khác	71.307.634	52.985.466
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.812.021.902</b>	<b>32.632.106.807</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )		
Công ty TNHH MTV Vận tải Gia Minh	425.889.779	734.271.000
Công ty TNHH Tài nguyên Tri thức Việt Năng	129.448.800	135.564.000
Phải trả người bán khác	-	797.851.000
	751.659.448	741.352.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.306.998.027</b>	<b>2.409.038.400</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bên liên quan trả tiền trước ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	8.300.705.351	-
Người mua trả tiền trước khác	1.473.299.998	757.640.238
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.774.005.349</b>	<b>757.640.238</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Phải nộp</b>				
Thuế nhà đất	-	771.667.743	-	771.667.743
Thuế giá trị gia tăng	661.377.311	16.182.110.936	(16.067.569.987)	775.918.260
Thuế thu nhập cá nhân	234.623.069	874.478.397	(1.060.854.304)	48.247.162
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.477.143.313	(2.477.143.313)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>896.000.380</b>	<b>20.305.400.389</b>	<b>(19.605.567.604)</b>	<b>1.595.833.165</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	106.936.169	2.447.146.731	(2.477.143.313)	76.939.587
Thuế giá trị gia tăng	-	11.506.198.388	(11.506.132.251)	66.137
Thuế nhà đất	1.184.549.138	15.311.986.956	(16.496.536.094)	-
Thuế khác	560.395.605	4.000.000	(4.000.000)	560.395.605
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.851.880.912</b>	<b>29.269.332.075</b>	<b>(30.483.811.658)</b>	<b>637.401.329</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí lãi vay	1.500.000.000	3.000.000.000
Lương tháng 13	1.116.463.423	-
Chi phí thuê đất	868.125.000	-
Chi phí khác	167.872.902	168.106.971
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.652.461.325</b>	<b>3.168.106.971</b>

**17. VAY NGẮN HẠN**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Nhận vay trong kỳ	Hoàn trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vay bên liên quan (Thuyết minh 28)	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000
<b>Công ty</b>	<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)</b>	<b>Ngày đáo hạn</b>	<b>Lãi suất (%/năm)</b>	<b>Hình thức đảm bảo</b>
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	17.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	4,2%	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

**18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	39.940.000.000
Nhận ký quỹ	7.814.645.100	7.851.225.100
Chi phí lãi vay	354.065.755	729.684.246
Các khoản phải trả, phải nộp khác	832.816.271	1.639.959.178
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.941.527.126</b>	<b>90.160.868.524</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	47.365.755.755	47.729.684.246
<i>Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và     Tài trợ Địa ốc R.C</i>	39.940.000.000	39.940.000.000
<i>Phải trả các bên khác</i>	1.635.771.371	2.491.184.278

- (i) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (ii) Đây là khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier mà Công ty đang nắm giữ.

**18.2 Phải trả dài hạn khác**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nhận đặt cọc từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Nhận ký quỹ từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>

- (\*) Đây là khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc ngày 10 tháng 9 năm 2020 với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam để cùng phối hợp triển khai mọi công việc, thủ tục có liên quan cũng như duy trì quyền và lợi ích đối với Quyền Tài sản tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, số 117A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Số đầu kỳ	4.470.772.087	5.311.953.833
Trích lập thêm trong kỳ	4.932.932.596	-
Sử dụng quỹ	(9.138.889)	(841.181.746)
Số cuối kỳ	<u><b>9.394.565.794</b></u>	<u><b>4.470.772.087</b></u>

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	982.533.570.000	(2.033.034.900)	575.440.457.850	1.555.940.992.950
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	11.826.996.452	11.826.996.452
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>982.533.570.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>587.267.454.302</u>	<u>1.567.767.989.402</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	982.533.570.000	(2.033.034.900)	595.000.615.853	1.575.501.150.953
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	7.910.852.580	7.910.852.580
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.932.932.596)	(4.932.932.596)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(2.466.466.297)	(2.466.466.297)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>982.533.570.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>595.512.069.540</u>	<u>1.576.012.604.640</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	98.253.357	98.253.357
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	98.253.357	98.253.357

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành là cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Doanh thu bán hàng hóa	116.519.491.787	71.739.558.314
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.106.801.372	41.560.983.548
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>163.626.293.159</b>	<b>113.300.541.862</b>

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi tiền gửi	894.226.634	570.109.905
Cổ tức được nhận	119.978.000	59.995.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.014.204.634</b>	<b>630.105.305</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	111.793.876.108	64.575.876.021
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.796.565.176	21.854.661.650
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>139.590.441.284</b>	<b>86.430.537.671</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	1.854.065.755	1.777.623.972
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.680.500	4.437.481
Dự phòng (hoàn nhập) các khoản đầu tư	5.600.718	(1.931.026)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.887.346.973</b>	<b>1.780.130.427</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>989.585.436</b>	<b>1.126.400.622</b>
Chi phí nhân viên	932.003.088	971.626.436
Chi phí bán hàng khác	57.582.348	154.774.186
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>11.713.913.709</b>	<b>9.910.404.927</b>
Chi phí nhân viên	6.764.569.718	5.215.830.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.224.184.182	1.208.056.465
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.725.159.809	3.486.518.159
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.703.499.145</b>	<b>11.036.805.549</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn hàng hoá đã bán	111.793.876.108	64.575.876.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.124.854.668	17.200.139.024
Chi phí nhân viên	7.696.572.806	6.187.456.739
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	5.968.157.754	6.009.724.354
Chi phí khác	2.710.479.093	3.494.147.082
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>152.293.940.429</u></b>	<b><u>97.467.343.220</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.477.143.313	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	3.035.812.751
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.477.143.313</u></b>	<b><u>3.035.812.751</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>10.387.995.893</u></b>	<b><u>14.862.809.203</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.077.599.179	2.972.561.841
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	423.539.734	75.249.990
Thu nhập miễn thuế	(23.995.600)	(11.999.080)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>2.477.143.313</u></b>	<b><u>3.035.812.751</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

**27.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VND			
	<u>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</u>	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Dự phòng trợ cấp thôi việc	51.586.016	51.586.016	-	-
Chi phí phải trả	16.218.800	16.218.800	-	-
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	-	-	-	(3.035.812.751)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.804.816</b>	<b>67.804.816</b>	<b>-</b>	<b>(3.035.812.751)</b>

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV ITL Logistics Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Bất động sản Soreco	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Liên danh BNX - Vietranstimex	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình	Công ty con
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam	Công ty con



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan:*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ cho thuê kho	28.803.885.204	-
		Bán hàng hóa	20.851.011.039	10.715.325.090
		Bán máy móc	-	26.680.916.231
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cung cấp dịch vụ cho thuê kho	14.462.084.440	12.603.244.569
		Bán hàng hóa	10.650.239.001	4.412.087.902
		Lãi cho vay	697.010.657	186.532.671
		Mua dịch vụ vận tải	235.285.682	326.918.513
		Cung cấp dịch vụ vận tải	293.338.573	-
		Thu hồi tiền cho vay	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex	Công ty con	Cho vay	13.000.000.000	49.500.000.000
		Thu hồi tiền cho vay	5.000.000.000	8.500.000.000
		Cung cấp dịch vụ cho thuê kho	590.636.808	442.715.842
		Lãi cho vay	86.991.780	377.487.671
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Chi phí lãi vay	354.065.755	277.623.972
		Đi vay	-	17.000.000.000
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1	Công ty liên kết gián tiếp	Bán hàng hóa	11.747.781.820	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Công Trình	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ	-	7.980.600.676
		Bán hàng hóa	-	181.818.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

		VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	37.780.477.602	21.317.540.788
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ	7.618.220.001	5.145.009.998
Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết gián tiếp	Bán hàng hóa	4.660.919.999	3.460.920.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Bán hàng hóa	990.250.998	253.628.310
			<b>51.049.868.600</b>	<b>30.177.099.096</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Mua dịch vụ	686.910.256	686.910.256
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cho vay	33.466.047.101	33.466.047.101
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Cho vay	8.000.000.000	-
			<b>41.466.047.101</b>	<b>33.466.047.101</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Mua dịch vụ	425.889.779	247.346.555
Công ty Cổ phần Xây Lấp Công Trình	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ	-	486.924.445
			<b>425.889.779</b>	<b>734.271.000</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Thuê cảng	8.300.705.351	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND		
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đi vay	17.000.000.000	17.000.000.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đặt cọc thuê cảng	7.000.000.000	7.000.000.000
		Chi phí lãi vay	354.065.755	729.684.246
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Chi hộ	11.690.000	-
			<b>47.365.755.755</b>	<b>47.729.684.246</b>
<b>Phải trả dài hạn khác</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Đặt cọc thuê cảng	7.000.000.000	7.000.000.000

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như sau

		VND	
Tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	1.059.000.000	654.410.400
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban Ủy ban kiểm toán	252.000.000	227.000.000
Ông Trần Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	65.000.000
Bà Trần Thị Cẩm Tú	Thư ký HĐQT	84.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán	60.000.000	45.000.000
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên HĐQT kiêm Ban kiểm soát (đến ngày 12 tháng 5 năm 2022)	47.333.334	45.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.592.333.334</b>	<b>1.036.410.400</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết thuê hoạt động – đi thuê***

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đến 1 năm	18.435.458.910	31.679.516.305
Từ 1 đến 5 năm	16.744.306.360	16.744.306.360
Trên 5 năm	50.043.710.449	51.699.304.085
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>85.223.475.719</u></b>	<b><u>100.123.126.750</u></b>

***Cam kết thuê hoạt động – cho thuê***

Công ty hiện đang cho thuê kho, đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	<u>84.718.811.400</u>	<u>84.268.715.677</u>

***Kiện tụng***

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý vụ kiện, trong đó một công ty bảo hiểm đã khởi kiện Công ty về việc hoàn trả tiền bảo hiểm mà công ty bảo hiểm này đã đền bù cho một khách hàng liên quan đến vụ cháy tại Kho Quận 4 của Công ty vào ngày 25 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 11.781.673.242 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc Công ty đang trong quá trình chuẩn bị các hồ sơ liên quan cho việc tranh tụng và kết quả vụ kiện chưa thể xác định được vì vậy Công ty chưa trích lập bất kỳ khoản dự phòng nào liên quan đến vụ kiện này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, mà trình bày là khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Hoàng Thị Anh Thư  
Người lập



Nguyễn Hoàng Giang  
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2022

